

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 13 tháng 11 năm 2019  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hợp

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Hận  
2. Ông Huỳnh Văn Năm

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Cẩm Hương – Thư ký  
tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 650/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 372/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Văn N** – sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Bị đơn: Chị **Ngô Thị H** – sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Tại phiên tòa, anh N, chị H có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh Trần Văn N trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị H sống chung năm 1989, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hải vào năm 2002, hiện tại anh chị đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Có ba người con chung là cháu Trần Tú H – sinh năm 1992, Trần Ngọc B – sinh năm 1995 và cháu Trần Chí H – sinh năm 1998. Hiện các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định tự thỏa thuận với chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản hòa giải ngày 31/10/2019 và tại phiên tòa, bị đơn chị Ngô Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị thống nhất với trình bày của anh N về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, hôn nhân là do chị tự nguyện lựa chọn không ép buộc. Hiện tại vợ chồng chị đã ly thân nhau. Chị hiện vẫn còn tình cảm với anh N, mong muốn gia đình được đoàn tụ nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Có ba người con chung như nguyên đơn trình bày. Các con hiện đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định tự thỏa thuận với anh N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn chị Ngô Thị H có nơi trú tại ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Ngô Thị H, do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh N là người khởi kiện, chị H là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự anh N là nguyên đơn, chị H là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 11/9/2002 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh N xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Chị H không đồng ý ly hôn với anh N, muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên, tại tòa hôm nay chị không trình bày được biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, không tác động được anh N chấp nhận quay về sống chung với chị, anh N xác định, nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh N được ly hôn với chị H.

[3] Về con chung: Anh chị có ba người con chung là cháu Trần Tú H – sinh năm 1992, Trần Ngọc B – sinh năm 1995 và cháu Trần Chí H – sinh năm

1998. Hiện các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng ổn định, các bên đương sự không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị xác định tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn N về việc yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thị H.

1. Về hôn nhân: Anh Trần Văn N được ly hôn với chị Ngô Thị H.

2. Về án phí: Anh Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002737 ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, anh Trần Văn N không phải nộp tiếp.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng NV-KT và THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- UBND xã Khánh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Nguyễn Văn Hợp**

